

CÔNG TY CỔ PHẦN HAIEN HOMES
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HAIEN HOMES

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAIEN HOMES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HAIEN

2. Mã số doanh nghiệp: 0109006458

3. Ngày thành lập: 28/11/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 36 ngách 6/12 phố Đội Nhân, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810(Chính)
2.	Xây dựng nhà để ở	4101
3.	Xây dựng nhà không để ở	4102
4.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
5.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
6.	Xây dựng công trình điện	4221
7.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
8.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
9.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
10.	Xây dựng công trình thủy	4291
11.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
12.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
13.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
14.	Phá dỡ	4311
15.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
16.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
17.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

18.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung	4329
19.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
20.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
21.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
22.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
23.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
25.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
27.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
28.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
29.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
30.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
31.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
32.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

33.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc: Nhóm này gồm: Việc cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ phác thảo, dịch vụ kiểm định xây dựng như: Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; Thiết kế máy móc và thiết bị; Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông; Giám sát thi công xây dựng cơ bản. - Dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mời thầu - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ; - Lập quy hoạch xây dựng; Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước; Khảo sát địa chất công trình, khảo sát trắc địa công trình xây dựng; Lập thiết kế, dự toán; thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Giám sát thi công xây dựng; Thi công xây dựng công trình; Kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng ; - Tư vấn lập quy hoạch đô thị ; - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng ; Tư vấn quản lý dự án ; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng; - Hoạt động quan trắc môi trường ; - Tư vấn giám sát, đánh giá dự án đầu tư ; - Hoạt động đo đạc và bản đồ	7110
34.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
35.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
36.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
37.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
38.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động của các nhà báo độc lập, trừ tư vấn chứng khoán, thanh toán hồi phiếu)	7490
39.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121

40.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt - Dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm ; - Dịch vụ vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; - Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống; - Vệ sinh và bảo dưỡng bể bơi; - Vệ sinh máy móc công nghiệp; - Dịch vụ tẩy uế và tiệt trùng; - Dịch vụ vệ sinh khu nhà và các công trình khác chưa được phân vào đâu.	8129
41.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
42.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
43.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
45.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
46.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
47.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
48.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
49.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
50.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
51.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
52.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
53.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
54.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
55.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản ; Dịch vụ quản lý bất động sản ; Dịch vụ môi giới bất động sản ; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820
56.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
57.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
58.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311

59.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
60.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
61.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
62.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
63.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
64.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
65.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
66.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
67.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
68.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
69.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
70.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
71.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
72.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
73.	Sản xuất máy luyện kim	2823
74.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
75.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
76.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
77.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
78.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN DUY CƯỜNG	Số 14M, Ngõ 24 Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	50,000	013598135	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.000.000	10.000.000.000	50,000		
2	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	Thôn Thượng, Xã Thụy Trình, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	20,000	151342443	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	20,000		

3	TRẦN THỊ LAN ANH	Số 14M, Ngõ 24 Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	30,000	001181003762
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN DUY CƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/11/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013598135

Ngày cấp: 07/11/2012 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14M, Ngõ 24 Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ 1801, Tòa nhà N01-T4, Khu Ngoại Giao Đoàn, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội